**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(*Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNGTHPT GÀNH HÀO  **TỔ: TOÁN – TIN HỌC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC .....TOÁN......, KHỐI LỚP.....6......**

(Thực hiện từ năm học 2021 - 2022)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** ..........7........**; Số học sinh:** .......297............**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:**...........6.......; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: ........ Đại học:.....6......; Trên đại học:.............

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:.............; Khá:.........6.......; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:***(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập***(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng học | 8 | Giảng dạy và ôn tập |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cả năm | Số tuần 35 | Số tiết | | | |
| Tổng số tiết 140 | Số học 73 tiết | Hình học 43 tiết | Xác xuất thống kê 24 tiết |
| Học kỳ I | 18 | 73 | 45 tiết  4 tuần đầu x 4 tiết = 16 tiết  6 tuần giữa x 2 tiết = 12 tiết  5 tuần cuối x 3 tiết = 15 tiết  1 tuần cuối x 3 tiết = 2 tiết | 13 tiết  4 tuần đầu x 0 tiết = 0 tiết  6 tuần giữa x 2 tiết = 12 tiết  1 tuần cuối x 1 tiết = 1 tiết  7 tuần đầu x 0 tiết = 0 tiết | 15 tiết  6 tuần đầu x 0 tiết = 0 tiết  4 tuần đầu x 1 tiết = 4 tiết  1 tuần giữa x 2 tiết = 2 tiết  5 tuần cuối x 5 tiết = 0 tiết  1 tuần giữa x 4 tiết = 4 tiết  1 tuần giữa x 5 tiết = 5 tiết |
| Học kỳ II | 17 | 67 | 28 tiết  tuần đầu x tiết = tiết | 30 tiết  tuần đầu x tiết = tiết | 9 tiết  tuần đầu x tiết = tiết |

**1. Phân phối chương trình**

| STT | Bài học (1) | Số tiết (2) | Yêu cầu cần đạt (3) |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **HKI** |  |  |
|  | **PHÂN SỐ VÀ ĐẠI SỐ**  **CHƯƠNG 1.SỐ TỰ NHIÊN** | 24 |  |
| 1 | Bài 1. Tập hợp. Phân tử của tập hợp | 2 | * Biết cách đọc và việt một tập hợp; Nhận biết được một phần tử thuộc hay không thuộc một tập hợp; Biết sử dụng kí hiệu: thuộc (∈), không thuộc ( ) |
| 2 | Bài 2. Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên | 1 | * Phân biệt được hai tập hợp N và N\* * Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí trong một số tự nhiên biểu diện ở hệ thập phân * Biễu diễn được số tự nhiên trong phạm vi 30 bằng cách sử dụng chữ số La Mã |
| 3 | Bài 3. Các phép tính trong tập hợp số tự nhiên | 1 | * Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán một cách hợp lý; * Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính như tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có,… |
| 4 | Bài 4. Lũy thừa với số mü tự nhiên | 1 | * Phát biểu được định nghĩa lũy thừa; số mũ; cơ số; bình phương; lập phương * Tính được giá trị của một lũy thừa * Thực hiện được phép nhân, phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiện. * Vận dụng được phép nhân, phép chia hai lũy thừa cùng cơ số trong tính toán |
| 5 | Bài 5. Thứ tự thực hiện các phép tính | 2 | * Biết thực hiện được đúng thứ tự các phép tính trong một biểu thức. * Biết sử dụng máy tính cầm tay tính giá trị của một biểu thức. |
| 6 | Bài 6. Chia hết và chia có dư. Tính chất chia hết của một tổng | 2 | * Xác định được quan hệ chia hết, chia có dưtrong trường hợp đã cho. * Biết được tính chất chia hết của một tổng. * Vận dụng được tính chất chia hết của một tổng |
| 7 | Bài 7. Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 | 1 | * Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5. * Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 trong giải quyết một số vấn đề toán học trong tình huống thực tiễn. |
| 8 | Bài 8. Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 | 1 | * Phát biểu được dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9. * Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 trong giải quyết một số vấn đề toán học trong tình huống thực tiễn. |
| 9 | Bài 9. Ước và bội | 2 | * Nhận biết được ước, bội của một số tự nhiên. * Sử dụng được các ký hiệu tập hợp các ước, tập hợp các bội của một số tự nhiên * Tìm được tập hợp các ước, tập hợp các bội của một số tự nhiên cho trước * Vận dụng được kiến thức về bội, ước của một số tự nhiên vào giải quyết một số tình huống thực tiễn đơn giản. |
| 10 | Bài 10. Số nguyên tố. Hợp số. Phần tích một số ra thừa số nguyên tố | 2 | * Nhận biết biết được một số tự nhiên lớn hơn 1 là số nguyên tố hay hợp số. * Phân tích được một số ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản, biết dùng lũy thừa để viết gọn dạng phân tích. * Vận dụng được các dấu hiệu chia hết để phân tích một số ra thừa số nguyên tố. |
| 11 | Bài 11. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Giới thiệu cho HS cách lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100 theo kiểu sàng Eratosthenes (Ơ-ra-tô-xten). * GV tổ chức cho HS các hoạt động:   + Tự lập bảng các số tự nhiên từ 1 đến 100 gồm 10 hàng, 10 cột  + HS làm theo hướng dẫn trong SGK và trả lời các câu hỏi để dẫn tới các khẳng định sau:  Số nguyên tố nhỏ nhất là số 2. Số nguyên tố lớn nhất trong phạm vi 100 là số 97  Không phải mọi số nguyên tố đều là số lẻ, chẳng hạn số 2  Không phải mọi số chẵn đều là hợp số, chẳng hạn số 2 |
| 12 | Bài 12. Uớc chung. Uớc chung lớn nhất | 2 | * Tìm được ất cả các ước chung của hai hoặc ba số và chỉ ra được ước chung lớn nhất của các số đó * Tìm được ƯCLN của hai hoặc ba số. Nhận biết được hai số nguyên tố cùng nhau. * Tìm được tập hợp các ước chung của hai hoặc ba số thông qua tìm ước chung lớn nhất * Vận dụng được khái niệm và cách tìm ƯCLN của hai hoặc ba số trong rút gọn phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn. |
| 13 | Bài 13. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất | 2 | * Tìm được tập hợp các bội chung của hai hoặc ba số và chỉ ra được bội chung nhỏ nhất của các số đó. * Tìm được bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số. * Tìm được tập hợp các bội chung của hai hoặc ba số thông qua tìm bội chung nhỏ nhất. * Vận dụng được khái niệm và cách tìm bội chu nhỏ nhất của hai hoặc ba số trong qui đồng mẫu số các phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn. |
| 14 | Bài 14. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Hoạt động 1: Chia hình chữ nhật thành các ô vuông. Thực hiện như hướng dẫn trong SGK * Có thể tìm hiểu thông tin về diện tích và dân số của các quốc gia trên internet. |
| 15 | Bài 15. Ôn tập chương I | 3 | 1. Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.  * Tập hợp, phần tử của tập hợp, cách xác định một tập hợp * Tập hợp các số tự nhiên * Biểu diẽn số tự nhiên * Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên  1. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên  * Các phép tính với số tự nhiên * Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên * Vận dụng các phép tính trong thực tế  1. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung.  * Quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội * Các dấu hiệu chia hết thường gặp * Số nguyên tố và hợp số * ƯCLN, BCNN * Phép chia có dư |
|  | **CHƯƠNG 2. SỐ NGUYÊN** | 21 |  |
| 16 | Bài 1. Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên | 3 | * Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. Biểu diễn được số nguyên trên trục số. Nhận biết được số đối của một số nguyên |
| 17 | Bài 2. Thứ tự trong tập hợp số nguyên | 2 | * Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. So sánh được hai số nguyên cho trước. |
| 18 | Bài 3. Phép cộng và phép trừ hai số nguyên | 6 | * Thực hiện được các phép cộng trong thực hiện các số nguyên. * Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng các số nguyên trong tính toán. * Thực hiện được các phépp trừ trong tập hợp các số nguyên. * Có kỹ năng chuyển được phép trừ sang phép cộng trong tính toán. |
| 19 | Bài 4. Phép nhân và phép chia hết hai số nguyên | 6 | * Thực hiện được phép tính nhân, chia trong tập hợp các số nguyên. * Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) * Thực hiện được các phép chia hết trong tập hợp các số nguyên. * Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niện ước và bội tỷong tập hợp các số nguyên. * Nhận biết được ý nghĩa của quan hệ chia hết trong một số bài toán thực tiễn. |
| 20 | Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Hoạt động 1: Giúp học sinh làm quên với việc thêm một mô hình biễu diễn số nguyên âm và số nguyên dương ngoài cách biểu diễn trên trục số như SGK, đồng thời thực hành các phép toán cộng và trừ các số nguyên trên mô hình đó thông qua các hoạt động trò chơi. * Hoạt động 2: Giúp học sinh thực hành tính nhẩm cộng trừ số nguyên trên trục số thông qua một trò chơi hào hứng (có thắng, thua) |
| 21 | Bài 6. Ôn tập chương2 | 3 | * Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên * Thứ tự trong tập hợp số nguyên * Các phép tính trong tập hợp các số nguyên * Quan hệ chia hết trong tập hợp các số nguyên * Ý nghĩa của số nguyên âm trong thực tế |
|  | **CHƯƠNG 3. CÁC HÌNH PHẲNG TRONG THỰC TIỄN** | 13 |  |
| 22 | Bài 1. Hình vuông- Tam giác đều – Lục giác đều | 3 | * Nhận dạng được hình vuông, tam giác đều, lục giác đều. * Mô tả được một số yếu tố cơ bản của hình vuông, tam giác đều, lục giác đều. * Vẽ được hình vuông, tam giác đều bằng dụng cụ học tập. * Tạo lập được hình lục giác đều bằng cách lắp ghép các hình tam giác đều |
| 23 | Bài 2. Hình chữ nhật - Hình thoi - Hinh binh hành - Hinh thang cân | 4 | * Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành,hình thang cân. * Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. |
| 24 | Bài 3. Chu vi và diện tích của một số hình trong thực tiển | 2 | * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn vs việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt đã nêu ở các bài trước. |
| 25 | Bài 4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Hs thực hành tính diẹn tích và chu vi các hình trong thực tiễn * Rèn luyện cách thực hiện một dự án gồm các khâu: chuẩn bị, thực hiện, báo cáo, tổng kết. * Rèn luyện ước lượng số đo trước khi đo, so sánh vs số đo thực tế. * Hs rèn luyện cách ghi chép một bài thực hành như thế nnào cho hợp lý và khoa học. |
|  | Bài 5. Ôn tập chương 3 | 3 | * Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều * Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân. |
|  | **PHẤN THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT  CHƯƠNG 4. MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ** | 15 |  |
| 26 | Bài 1. Thu thập và phân loại dữ liệu | 2 | * Thực hiện được việc thu thập dữ liệu theo mục đích và yêu cầu. * Biết cách phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước. * Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu đã phân loại vào các bạng. * Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. * Biết kiểm tra tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đã học. |
| 27 | Bài 2. Biểu diễn dữ liệu trên bảng | 3 | * Lựa chọn và biệu diễn được dữ liệu vào bảng thống kế. * Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dữa trên phân tích các số liệuthu được ở dạng bảng thống kê. * Gỉai quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng bảng thống kê. |
| 28 | Bài 3. Biểu đó tranh | 2 | * Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trên biểu đồ tranh. Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ tranh. NHận ra một số vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được thu được ở dạng biểu đồ tranh. |
| 29 | Bài 4. Biếu đó cột. Biều đó cột kép | 4 | * Đọc và miêu tả thành thạo các dữ liệu trên biểu đồ cột v à biểu đồ cột kép. * Lựa chọn và biển diễn được dữ liệu vào biểu đồ cột và biểu đồ cột kép. * Hiểu được mốt liên hệ giữa biểu đồ cột và biểu đồ cột kép * Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở biểu đồ cột và biểu đồ cột kép |
| 30 | Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | * Vận dụng kiến thức thống kê vào việc thu thập và biểu diễn thông tin. * Tìm hiểu về biến đổi thời tiết của địa phương trong tuần * Rèn luyện năng lực tự duy và suy luật toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học. |
| 31 | Bài 6. ôn tập chương 4 | 3 | 1. Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu trên các bảng  * Thu thập, phân loại dữ liệu * Tính hợp lí của dữ liệu  1. Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các tiêu chí đơn giản  * Mô tả dữ liệu * Biểu diễn dữ liệu * Phân tích dữ liệu |
|  | **KÌ II** |  |  |
| 32 | **CHƯƠNG 5. PHÂN SỐ** | 17 |  |
| 33 | Bài 1. Phân số với tử ső và mẫu số là số nguyên | 2 | Nội dung này: đánh máy từ yêu cầu cần đạt trong chương trình phổ thông 2018, có tham khảo từ sách giáo viên (các thầy cô làm tiếp nhé) |
| 34 | Bài 2. Tính chất cơ bàn của phân số | 2 |  |
| 35 | Bài 3. So sánh phân số | 2 |  |
| 36 | Bài 4. Phép cộng và phép trừ phân số | 2 |  |
| 37 | Bài 5. Phép nhân và phép chia phân số | 2 |  |
| 38 | Bài 6. Giá trị phân số của một số | 2 |  |
| 39 | Bài 7. Hỗn số | 2 |  |
| 40 | Bài 8. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Phân số ở quanh ta | 1 |  |
| 41 | Bài 9. Ôn tập chương 5 | 2 |  |
|  | **CHƯƠNG 6. SỐTHẬP PHÂN** | 11 |  |
| 42 | Bài 1. Số thập phản | 2 |  |
| 43 | Bài 2. Các phép tính với số thập phân | 1 |  |
| 44 | Bài 3. Làm tròn số thập phân và ước lượng kết quả | 1 |  |
| 45 | Bài 4. Tỉ số và ti số phẩn trăm | 1 |  |
| 46 | Bài 5. Bài toán về ti số phán trăm | 2 |  |
| 47 | Bài 6. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 |  |
| 48 | Bài 7. Ôn tập chương 6 | 3 |  |
|  | **CHƯƠNG 7. TÍNH ĐỐI XỨNG CỦA HÌNH PHẲNG TRONG THẾ GIỚI TỰ NHIÊN** | 9 |  |
| 49 | Bài 1, Hinh có trục đối xứng | 2 |  |
| 50 | Bài 2. Hình có tâm đối xứng | 2 |  |
| 51 | Bài 3. Vai trò của tính đối xứng trong thế giới tự nhiên | 1 |  |
| 52 | Bài 4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 |  |
| 53 | Bài 5. Ôn tập chương 7 | 3 |  |
| 54 | Bài 1. Điếm. Đường thẳng | 3 |  |
|  | **CHƯƠNG 8. CÁC HÌNH HÌNH HỌC CƠ BẢN** | 21 |  |
| 55 | Bài 2. Ba điếm thẳng hàng. Ba điếm không thẳng hàng | 2 |  |
| 56 | Bài 3. Hai đường thẳng cắt nhau, song song. Tia | 3 |  |
| 57 | Bài 4. Đoạn thẩng. Độ dài đoạn thẩng | 2 |  |
| 58 | Bài 5. Trung điếm của đoạn thẳng | 2 |  |
| 59 | Bài 6. Góc | 2 |  |
| 60 | Bài 7. Số đo góc. Các góc đặc biệt | 3 |  |
| 61 | Bài 8. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 |  |
| 62 | Bài 9. Ôn tập chương 8 | 3 |  |
|  | **CHƯƠNG 9. MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT** | 9 |  |
| 63 | Bài 1. Phép thử nghiệm - Sự kiện | 3 |  |
| 64 | Bài 2. Xác suất thực nghiệm | 3 |  |
| 65 | Bài 3. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Xác suất thực nghiệm  trong trò chơi may rủi | 1 |  |
| 66 | Bài 4. Ôn tập chương 9 | 2 |  |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian (1) | Thời điểm (tuần) (2) | Yêu cầu cần đạt (3) | Hình thức (4) |
| Giữa Học kỳ 1 | 90’ | Tuần 11 | * Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra giữa HKI | Tự luận, làm trên giấy |
| Cuối Học kỳ 1 | 90’ | Tuần 18 | * Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra cuối HKI | Tự luận, làm trên giấy |
| Giữa Học kỳ 2 | 90’ | Tuần 27 | * Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra giữa HKII | Tự luận, làm trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 90’ | Tuần 35 | * Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra cuối HKII | Tự luận, làm trên giấy |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 20…*  **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)